

TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48A/2024/DS-ST

Ngày: 17-6-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nh dân: Ông Phạm Xuân Trường và bà Nguyễn Ngọc Cơ Minh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nh dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nh dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nh dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nh dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Trọng T. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận – Phòng giao dịch huyện Đức Linh.

Người được ủy quyền lại: Ông Huỳnh Quốc K.

Chức vụ: Phó phòng giao dịch phụ trách kinh doanh - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận – Phòng giao dịch huyện Đức Linh.

Địa chỉ: Số 54, đường ĐT 766, thôn 4, xã Dh, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. (theo giấy ủy quyền số 167 ngày 29/12/2023)

- **Bị đơn:** Chị Tả Thị Minh H, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Số 8, đường Phạm Hồng Thái, khu phố 10, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/8/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Bình Thuận – Phòng giao dịch huyện Đức Linh đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với chị Tả Thị Minh H, với một số thông tin như sau:

Loại thẻ: Family Credit EMV.

Hạn mức tín dụng: 20.000.000 đồng.

Ngày chốt sao kê: ngày 15 hàng tháng.

Dư nợ tính đến ngày 22/12/2023 là 27.047.199 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, chị Tả Thị Minh H không thanh toán đúng hạn theo như cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ và làm việc trực tiếp với chị Tả Thị Minh H nhưng chị H vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu chị Tả Thị Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ gốc là 22.979.359 đồng và tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến phản đối, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vợ chồng chị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền dư nợ tính đến ngày 18/8/2023 là 22.979.359 đồng và yêu cầu trả số tiền lãi quá hạn phát sinh tính đến ngày 17/6/2024 là 9.727.128 đồng, đồng thời yêu cầu chị H tiếp tục chịu lãi, phí từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ vay theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện

đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn T có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc chị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 20.000.000 đồng trừ đi số tiền chị H đã trả 4.593.000 đồng = 15.407.000 đồng, cùng với số tiền lãi hai bên đã thỏa thuận theo hợp đồng đã cam kết, không kèm các chi phí phát sinh khác.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay và lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 10, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp cần giải quyết theo vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 tóm tắt sao kê lập ngày 17/6/2024, 01 bản sao Quyết định số 1970/2022/QĐ-TTT ngày 8/8/2022 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam (kèm các biểu phí và phụ lục), 01 bản sao Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (có hiệu lực từ ngày 24/8/2020); ngoài ra, các đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới nào khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Căn cứ vào bản sao giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 18/8/2022 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín và chị Tả Thị Minh H thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng tín dụng thanh toán qua hình thức cấp thẻ tín dụng (loại thẻ: Family Credit EMV), lập thành văn bản, có thỏa thuận lãi suất vay và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 18/8/2022 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ và đúng quy định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 27.047.199 đồng và yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả phát sinh tính đến ngày 17/6/2024 là 9.727.128 đồng, đồng thời yêu cầu chị H tiếp tục chịu lãi, phí từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ vay theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến phản đối cũng như tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại mục “Cam kết” trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 18/8/2022 có thể hiện nội dung *“....Bằng việc ký vào Giấy đề nghị này, Tôi/chúng tôi xác nhận rằng Tôi/Chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Sacombank. **Điều khoản và Điều kiện cùng với Giấy đề nghị này tạo thành Hợp đồng** phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng giữa Tôi/Chúng tôi và Sacombank. Tôi/Chúng tôi **chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ** và trách nhiệm phát sinh từ hoặc liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà Tôi/Chúng tôi đã được cấp.....”*

Tại “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (có hiệu lực từ ngày 24/8/2020)” do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín phát hành và đã được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Sacombank (<https://www.sacombank.com.vn/ho-tro>) có các

quy định về các loại phí (mục 25), cách xác định lãi (kể cả lãi quá hạn) và trách nhiệm do vi phạm (mục 23 và 24), ngoài ra tại mục 17 của Điều khoản và điều kiện còn có quy định về “Vượt hạn mức”, kể cả phí do vượt hạn mức.

Chị Tả Thị Minh H tự nguyện ký kết vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 18/8/2022 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín để được cấp tín dụng với số tiền 20.000.000đồng, nên chị H đã biết các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Tuy nhiên, sau khi rút T bộ số tiền được cấp tín dụng (vào ngày 15/9/2022) thì chị H chỉ thanh toán cho nguyên đơn được 07 kỳ và sau đó không thanh toán theo thỏa thuận và đã vi phạm các cam kết, thỏa thuận đã ký kết với bên nguyên đơn. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ vay gốc và các khoản phí, lãi phát sinh đến ngày 15/8/2023 (tổng dư nợ) là 22.979.359đồng là có căn cứ, phù hợp với các điều khoản đã được giao kết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xác định người có nghĩa vụ thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu chị H và chồng là ông Lê Anh Tuấn có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, vào ngày 16/4/2024 nguyên đơn có đơn thay đổi nội dung khởi kiện, theo đó nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân chị H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn; đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận buộc chị H trả nợ cho nguyên đơn.

[4.3] Về lãi suất:

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và tại Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính, hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản, theo đó lãi suất theo hợp đồng tín dụng không bị giới hạn bởi mức trần lãi suất cơ bản mà phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất quá hạn trên T bộ dư nợ (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, các loại phí tính đến ngày 15/8/2023 là 22.979.359đồng), với số tiền lãi tính đến ngày 17/6/2024 là 9.727.128đồng và yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 18/6/2024 đến khi trả xong T bộ các khoản nợ là phù hợp với các thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 18/8/2022, mục 1.9, mục 1.24 và mục 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*có điều khoản về áp dụng lãi suất quá hạn đối với T bộ dư nợ theo quy định của Sacombank*), đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp –

Bộ tài chính và Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nH dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 689/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nH dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Đức Linh tại phiên tòa (thể hiện qua bài phát biểu số 102 ngày 17/6/2024) phù hợp với những một phần nhận định nêu trên. Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận các khoản phí trễ hạn, phí vượt hạn mức là chưa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Áp dụng Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nH dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 (được công bố theo quyết định số 689/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nH dân Tối cao); Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nH dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nH dân tối cao – Viện kiểm sát nH dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín.

Buộc chị Tả Thị Minh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín tổng số tiền dư nợ tính đến ngày 15/8/2023 là 22.979.359 đồng (bằng chữ: Hai mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi chín đồng) và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 17/6/2024 là 9.727.128 đồng (bằng chữ: Chín triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 18/8/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín và chị Tả Thị Minh H.

2. Về án phí:

- Buộc chị Tả Thị Minh H phải nộp số tiền 1.635.000 (bằng chữ: Một triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín số tiền 676.000 (bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo các biên lai thu tiền số: 0004110 ngày 04 tháng 01 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận